| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THANH BA**<br>**TỈNH PHÚ THỌ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

***Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST***
***Ngày 19 tháng 6 năm 2019***
*V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Tạ Hồng Tuấn.**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Đỗ Minh Tuân** và bà **Vương Thị Thu**

*Thư ký phiên tòa:* Bà **Bùi Thị Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ:* Bà **Nguyễn Phương Linh** - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 19 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 30/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2019 về việc tranh chấp "*Hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1994.
Địa chỉ: Khu 1, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Hữu T**, sinh năm 1990.
Địa chỉ: Khu 1, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ
*Chị P và anh T đều có mặt tại phiên tòa*

- Người có quyền lợi liên quan:

**Ngân hàng Chính sách xã hội huyện T** (Địa chỉ; khu 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh Phú Thọ) do ông **Dương Anh T** - Giám đốc là người đại diện.

*Ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị **Nguyễn Thị P** trình bày như sau:

- Chị và anh Nguyễn Hữu T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 31/01/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau trên đất của bố mẹ anh T tại xã T, huyện T. Quá trình vợ chồng chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn bất đồng và cho đến cuối năm 2017, vợ chồng xảy ra va chạm nên chị đã phải về nhà bố mẹ đẻ ở khu 4, xã V, huyện T ở và vợ chồng chính thức sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Chị xác

định mâu thuẫn vợ chồng đã nghiêm trọng không thể quay về tiếp tục sống chung được, thời gian vợ chồng chung sống không được hòa thuận hạnh phúc, tình cảm của chị đối với anh T không còn vì vậy chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

- Về con chung: Chị và anh Nguyễn Hữu T đã có với nhau 02 con chung là Nguyễn Tường V, sinh ngày 06/10/2012 và Nguyễn Hữu Bảo A, sinh ngày 22/8/2014. Cả 02 con chung hiện đều đang ở cùng với anh T. Chị P yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 01 con chung sau ly hôn và không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị với anh Nguyễn Hữu T không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị và anh Nguyễn Hữu T hiện có khoản nợ chung là nợ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện T tổng số tiền gốc là 45.000.000.đ. Khi ly hôn chị yêu cầu cả hai cùng có nghĩa vụ trả khoản vay nợ này.

- Về công sức đóng góp cho gia đình và các vấn đề khác không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị đơn là anh **Nguyễn Hữu T** trình bày: Anh T xác nhận về thời gian và thủ tục kết hôn, thời gian vợ chồng chung sống đúng như chị Phượng đã trình bày. Quá trình vợ chồng chung sống có nhiều bất đồng dẫn đến mâu thuẫn, cuộc sống chung không được hòa thuận hạnh phúc nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay. Anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể tiếp tục sống chung và anh cũng yêu cầu Tòa án cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị P.

- Về con chung: Anh T xác nhận anh và chị Nguyễn Thị P có với nhau 02 con chung đúng như chị P đã trình bày. Cả 02 con chung vẫn ở với anh kể từ khi vợ chồng sống ly thân. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả hai con chung và không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung đúng như chị P đã trình bày, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, anh xác nhận hiện còn nợ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện T số tiền gốc là 45.000.000.đ. Khi ly hôn anh yêu cầu mỗi người phải có nghĩa vụ trả 1/2 số nợ này.

- Về công sức đóng góp cho gia đình và các vấn đề khác không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ông **Dương Anh T** đại diện cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai xác nhận hộ gia đình anh Nguyễn Hữu T và chị Nguyễn Thị P ở khu 1, xã T, huyện T có vay và hiện còn nợ của Ngân hàng tổng số tiền 45.000.000.đ và cho đến 6/2021 phải trả xong. Nay chị P và anh T ly hôn, Ngân hàng yêu cầu anh T và chị P phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng đúng theo hợp đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận, thống nhất được với nhau về các vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, ông Dương Anh T - Đại diện cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì vậy việc xét xử vắng mặt ông T là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Hữu T kể từ khi kết hôn cho đến nay và xét yêu cầu của chị P, anh T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Hữu T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn, do vậy hôn nhân giữa chị P và anh T là hợp pháp. Quá trình chung sống, do vợ chồng bất đồng quan điểm nên đã xảy ra mâu thuẫn va chạm, cả hai lại không có biện pháp tích cực nào để cùng nhau giải quyết bất đồng dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng nên đã phải sống ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay. Như vậy, trên thực tế vợ chồng đã không còn sống chung, cũng không còn nghĩa vụ thương yêu, quan tâm chăm sóc nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét việc thuận tình ly hôn của cả hai bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được công nhận.

[3]. Về con chung: Chị P và anh T đã có với nhau 02 con chung, hiện cả hai con chung đều đang ở với anh T. Xét nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của hai bên là hoàn toàn chính đáng, xuất phát từ tình cảm, trách nhiệm của người cha, người mẹ đối với con của mình. Tuy nhiên, xét điều kiện hoàn cảnh thực tế của mỗi bên hiện nay thì nếu giao cả 02 con chung cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng thì sẽ có nhiều khó khăn trong việc chăm sóc, giáo dục con chung, vì vậy để giảm bớt khó khăn cho mỗi bên và cho con chung có được sự chăm sóc nuôi dưỡng đầy đủ nhất, đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của con chung nên giao cho mỗi người được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung sau ly hôn là phù hợp.

Do mỗi bên đều được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung vì vậy không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung: Chị P và anh T xác nhận không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5]. Về nợ chung: Chị P, anh T và đại diện Ngân hàng Chính sách xã hội huyện T đều xác nhận chị P, anh T hiện còn đang nợ Ngân hàng số tiền 45.000.000.đ. Số nợ này sau ly hôn cần giao cho anh T có trách nhiệm trực tiếp trả cho nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng và chị P có nghĩa vụ thanh toán cho anh T một phần nghĩa vụ đối với số nợ này.

[6]. Về công sức đóng góp cho gia đình và các vấn đề khác, chị P và anh T đều xác nhận không có nên không đặt ra giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba đã phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P và anh T; đề nghị giao cho chị P và anh T mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung và mỗi người phải chịu 1/2 nghĩa vụ đối với khoản nợ của Ngân hàng.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 58; khoản 1 Điều 59; Điều 60; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **Xử**: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị **Nguyễn Thị P** và anh **Nguyễn Hữu T**.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là **Nguyễn Hữu Bảo A** - Sinh ngày 22/8/2014. Giao cho anh Nguyễn Hữu T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là **Nguyễn Tường V** - Sinh ngày 06/10/2012 (cả 02 con chung hiện đều đang ở với bố đẻ là anh Nguyễn Hữu T). Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, hai bên đều có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công sức đóng góp không có nên không giải quyết.

- Về nợ chung: Buộc anh Nguyễn Hữu T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện T số tiền gốc là **45.000.000**đ (bốn mươi lăm triệu đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng.

Buộc chị Nguyễn Thị P phải có nghĩa vụ thanh toán cho anh Nguyễn Hữu T tổng số tiền là **23.000.000**đ (hai mươi ba triệu đồng).

*Trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.*

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị P đã nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2016/0001565 ngày 27/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện; tỉnh;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ, án văn

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Tạ Hồng Tuấn**